

## PHẬT NÓI KINH LẠC XOA ĐÀ LA NI

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng\_ Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc  
Khanh\_ Minh Giáo Đại Sư (kẻ bày tôi là) PHÁP HIỀN phụng chiếu dịch  
Việt dịch: HUYỀN THANH

\_Bây giờ, Đức Phật bảo **A Nan** (Ānanda) rằng: “Ông hãy lắng nghe! Nay Ta vì ông tuyên nói **Lạc Xoa Đà La Ni** Đà La Ni đó rất khó được gặp giống như Chư Phật xuất hiện ở Thế Gian

Này A Nan! Nếu có chúng sinh được Đà La Ni này, hay thọ trì thì người ấy đạt được Công Đức như trì một lạc xoa Phật không có khác, hay cho chúng sinh thành nhóm Phước lớn, hay diệt vô lượng tội nặng của chúng sinh”

\_Khi ấy Đức Thế Tôn liền nói **Lạc Xoa Đà La Ni** là:

1\_ **Năng mạc tam mãn đa một đà năng** (NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM)

2\_ **Án, na mô bà nga phộc đế** (OM NAMO BHAGAVATE)

3\_ **Vĩ bố la tả na năng cương tả nỗ đắc-sắt bát-đa** (VIPULASYA DĀNA KECANOTAKṢĪPATA)

4\_ **Bát-la bà tát kế đồ mẫu lý-nễ** (PRABHA SAKETU MŪRDHANE )

5\_ **Đát tha nga đa dã** (TATHĀGATĀYA)

6\_ **A la hạt đế, tam miểu cật-tam một đà dã** (ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA)

7\_ **Đát nĩnh tha** (TADYATHĀ)

8\_ **Mạo địa, mạo địa** (BODHI BODHI)

9\_ **Tát lý-phộc đát tha nga đa , ngu tả lý** (SARVA TATHĀGATA GOCARI)

10\_ **Đạt la, đạt la** (DHĀRA DHĀRA)

11\_ **Hạt la, hạt la** (HARA HARA)

12\_ **Bát-la hạt la, bát-la hạt la** (PRĀHARA PRĀHARA)

13\_ **Ma hạ mạo địa tức đa, đạt lý** (MAHĀ-BODHI-CITTA DHĀRE)

14\_ **Tổ lỗ, tổ lỗ** (CULU CULU)

15\_ **Mẫu lỗ, mẫu lỗ** (MURU MURU)

16\_ **Thiết đa tát hạ tát-la** (ŚATA SAHASRA)

17\_ **La thấp-nhĩ, tán tổ nễ đế** (RĀSMI SAṂSUDĪTI)

18\_ **Tát lý-phộc đát tha nga đa, bà thủy đế** (SARVA TATHĀGATA BHAṢITE)

19\_ **Ngu ni, ngu noa phộc đế** (GUṆE GUṆA-VATI)

20\_ **Một đà ngu noa, phộc bà tế** (BUDDHA-GUṆA AVABHĀṢE)

21\_ **Mật lý, mật lý** (MILI MILI)

22\_ **Tát lý-phộc đát tha nga đa, a địa sắt-trí đế** (SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬITE)

23\_ **Na bà tát-đa lệ** (NAVAS-TĀRE)

24\_ **Thiết ma, thiết ma** (ŚAMA ŚAMA)

25\_ **Bát-la thiết ma, bát-la thiết ma** (PRAŚAMA PRAŚAMA)

26\_ **Tát lý-phộc bá ba, bát-la thiết ma nễ** (SARVA PĀPA PRAŚAMAṆE)

27\_ **Tát lý-phộc bá ba, vĩ du đạt nễ** (SARVA PĀPA VIŚODHANE)

- 28\_ Hổ lỗ, hổ lỗ (HURU HURU)  
29\_ Mạo địa, ma lạc-nga, tam bát-la tất-thể đế (BODHI-MĀRGA SAMPRATIṢṬE)  
30\_ Tất lý-phộc đát tha nga đa, bát-la đế sắt-trí đế (SARVA TATHĀGATA PRATIṢṬITE)  
31\_ Vĩ truật đề, sa-phộc hạ (VIŚUDDHE SVĀHĀ)  
32\_ Án, tất lý-phộc đát tha nga đa (OM SARVA TATHĀGATA)  
33\_ Mê phộc lỗ cát đế (ME VALOKITE)  
34\_ Nhạ dã, nhạ dã, sa-phộc hạ (JAYA JAYA SVĀHĀ)  
35\_ Hổ lỗ, hổ lỗ (HURU HURU)  
36\_ Nhạ dã mục khế, sa-phộc hạ (JAYA-MUKHE SVĀHĀ)

\_Bấy giờ, A Nan nghe Đức Phật nói Đà La Ni đó xong thì vui vẻ tin nhận, làm lễ rồi lui ra

PHẬT NÓI KINH LẠC XOA ĐÀ LA NI  
\_Hết-

06/08/2007